ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THÍCH ỨNG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOÁ ĐẠI HỌC 7 TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG KHI ÁP DỤNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Nguyễn Nho Dũng*
Nguyễn Ngọc Long*

Tóm tắt:
Từ năm 2013, trường Đại học TDTT Đà Nẵng chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ và bước đầu đánh giá mức độ thích ứng học tập của sinh viên qua ba mặt "nhận thức - thái độ - hành động" cho kết quả thích ứng tốt. Đã đề xuất được ba biện pháp nhằm nâng cao khả năng thích ứng của sinh viên trong quá trình học tập theo học chế tín chỉ.
Từ khóa: Hoạt động học tập; học chế tín chỉ; thích ứng; sinh viên...

Evaluation of adaptive level to learning of credit based training application of 7th university students Da Nang University of Sports

Summary:
Since 2013, Da Nang University of Sports applied the credit based training and initially evaluated that the learning adaptive level of students through three aspects of "awareness - attitude - action" showed a good adaptive results. The University has proposed three measures to improve the adaptability of the students in the credit based learning.
Keywords: Learning activities, credit-based system, adapt, students

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi sang học chế tín chỉ (HCTC) không chỉ là giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tăng cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp [1], [3]. HCTC là sự thể hiện triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm, tăng tính chủ động của người học, lấy đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập làm gốc… cho nên nó là một giải pháp tổng thể để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng thị trường lao động chất lượng cao[2], [4]. Mục đích của việc tổ chức quá trình đào tạo theo HCTC nhằm kích thích tính tích cực, chủ động của SV thông qua việc tự xây dựng mục tiêu, kế hoạch học tập, lựa chọn phương pháp, phương thức học tập, đòi hỏi sinh viên phải tự học; giảng viên (GV) từ người truyền thụ tri thức sang vai trò thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, cố vấn trong học tập. Như vậy, để hoạt động học tập diễn ra đạt kết quả tốt, SV cần làm quen và thích ứng với hoạt động học tập theo hình thức mới này [5], [6].

Trường Đại học Thể dục Thể thao (TDTT) Đà Nẵng là một trường đặc thù, là trường đào tạo năng khiếu TDTT, nên việc áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ là rất khó. Nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Giám Hiệu nhà trường cho đến nay đã được áp dụng vào khoá đầu tiên là cho ĐHCQ7. Nhưng việc thích ứng học tập khi chuyển từ phổ thông sang đại học là rất khó, nhưng học theo học chế tín chỉ lại càng khó hơn. Để hiểu rõ hơn thực trạng vấn đề thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên khi chuyển từ bậc học phổ thông sang đại học và được đào tạo theo học chế tín và nhằm nâng cao thành tích học tập của sinh viên, do đó chúng tôi "Đánh giá mức độ thích ứng hoạt động học tập của sinh viên khoá ĐH 7 Trường Đại học TDTT Đà Nẵng khi áp dụng đào tạo theo HCTC".

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình giải quyết các mục tiêu nghiên cứu, đề tài đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp phân tích và tổng

*ThS, Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

hợp tài liệu, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp phỏng vấn, phương pháp chuyên gia, phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động và phương pháp toán học thống kê.

Đối tượng phỏng vấn với tổng số 2 lần phỏng vấn là 900 sinh viên (10 sinh viên/ lớp), 22 cán bộ quản lý và 58 giáo viên.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng thích ứng của sinh viên khoá Đại học 7 trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng với hoạt động học tập theo học chế tín chỉ

Tiến hành đánh giá thực trạng thích ứng của sinh viên Khóa Đại học 7 Trường Đại học TDTT Đà Nẵng với hoạt động học tập theo học chế tín chỉ biểu hiện trên các mặt sau:

1.1. Nhận thức về bản chất phương thức đào tạo theo tín chỉ của sinh viên

Khi tham gia vào bất cứ hoạt động nào thì con người phải có hiểu biết hoạt động đó mới tiến hành hoạt động có kết quả. Để hoạt động học tập theo HCTC được tiến hành hiệu quả thì SV phải có những hiểu biết nhất định về phương thức đào tạo theo tín chỉ. Chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng nhận thức của sinh viên về bản chất phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ qua phỏng vấn bằng phiếu hỏi trên đối tượng sinh viên Khóa 7. Kết quả thu được ở bảng 1.

Bảng 1. Nhận thức về bản chất phương thức đào tạo theo HCTC

TT	Khái niệm	SL (n)	$\bar{x}$	δ	Thứ bậc
1	Đào tạo theo tín chỉ là phương thức đào tạo trong đó SV tích lũy hệ thống tri thức. kỹ năng theo một lộ trình được sắp đặt từ trước của nhà trường nhằm hoàn tất chương trình đào tạo để được cấp bằng tốt nghiệp	530	3.52	1.18	2
2	Đào tạo theo học chế tín chỉ là phương thức đào tạo trong đó giảng viên là người truyền thụ hệ thống tri thức giúp SV nắm bắt hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ để hoàn thiện nhân cách của bản thân	524	3.21	1.12	3
3	Đào tạo theo học chế tín chỉ là phương thức đào tạo cho phép sinh viên đạt được văn bằng hoặc chứng chỉ sau khi đã tích lũy đủ hệ thống môn học (được đo bằng số tín chỉ theo trình tự quy định của chương trình đào tạo đối với các văn bằng. chứng chỉ đó), thông qua phổ biến và hướng dẫn thực hiện quy chế 43 và tư vấn của CVHT	533	4.21	1.01	1
	Trung bình		**3.64**		

(Thang điểm: 5 - Hoàn toàn đúng… 1- Hoàn toàn sai)

Nhận xét: SV khoá Đại học 7 trường Đại học TDTT Đà Nẵng có nhận thức phần lớn là đúng đắn và đầy đủ về phương thức đào tạo theo tín chỉ ($\bar{x}$=3,64). Trong 03 nhận định trên thì nhận định 03 là nhận định đúng đắn và đầy đủ nhất. Kết quả khảo sát cho thấy 533 SV (chiếm 88,8%) SV khoá Đại học 7 trường Đại học TDTT Đà Nẵng được điều tra đã hiểu đúng về phương thức đào tạo theo tín chỉ.

1.2. Nhận thức của sinh viên về tác dụng của phương thức đào tạo theo tín chỉ đối với người học

Phương thức đào tạo theo tín chỉ là phương thức đào tạo mới có rất nhiều tác dụng đối với người học và kết quả thể hiện ở bảng 2 dưới đây.

Nhìn vào bảng số liệu 2 chúng ta thấy: SV đã nhận thức phần lớn là đúng đắn và đầy đủ về tác dụng của phương thức đào tạo theo tín chỉ đối với người học ($\bar{x}$= 3,73), tuy nhiên những tác dụng liên quan trực tiếp đến SV trong thời điểm hiện tại thì được nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn những tác dụng liên quan đến định hướng phát triển lâu dài, đến tương lai của SV. Như vậy, chính nhận thức của SV về tác dụng của phương thức đào tạo theo tín chỉ sẽ có ảnh hưởng tới thái độ của các em khi tiến hành hoạt động học tập.

1.3. Đánh giá chung nhận thức của SV về hoạt động học tập theo HCTC

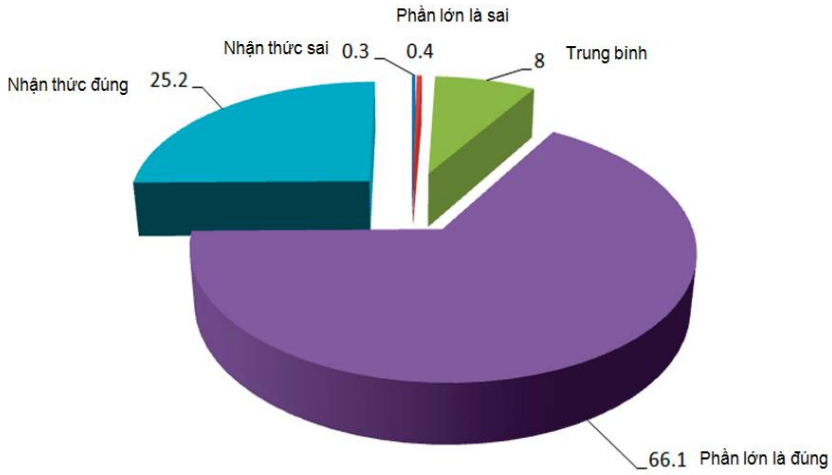
Để có thể đánh giá thực trạng thích ứng với hoạt động học tập theo tín chỉ của SV ĐH7 qua

Bảng 2. Nhận thức của sinh viên về tác dụng của phương thức đào tạo theo tín chỉ đối với người học

TT	Tác dụng của phương thức đào tạo theo tín chỉ	SL (n)	$\bar{x}$	δ	Thứ bậc
1	Giúp người học hình dung và định hướng tất cả các yêu cầu đối với bản thân trong quá trình học tập	533	3.80	0.95	3
2	Giúp người học chủ động lên kế hoạch và thực hiện học tập dựa vào năng lực và điều kiện thời gian và công việc của mình	535	4.16	0.92	1
3	Tăng cường tính mềm dẻo và linh hoạt của của chương trình học. giúp SV không bị mất đi mảng kiến thức và kỹ năng đã tích lũy	533	3.66	0.97	6
4	Giúp người học có thể chuyển đổi từ khóa học này sang khóa học khác trong cùng một hệ thống; từ trường này sang trường khác	534	3.58	1.11	7
5	Đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học	533	3.67	1.08	5
6	Nâng cao năng lực tự học của SV	533	4.05	0.99	2
7	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo quá trình	534	3.41	1.12	4
	Trung bình		**3.73**		

(Thang điểm: 5 - Rất đồng tình… 1- Không đồng tình)

mặt nhận thức, chúng tôi đã tổng hợp nhận thức của SV với hoạt động học tập theo tín chỉ. Kết quả SV ĐH7 có nhận thức ở mức phần lớn là đúng đắn và đầy đủ về hoạt động học tập theo HCTC (= 3,90). Tuy nhiên để thấy được rõ từng mức độ thích ứng, chúng tôi đã phân tích qua biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Đánh giá chung nhận thức về phương thức đào tạo theo HCTC của sinh viên Đại học 7

Biểu đồ 1 chúng ta thấy hầu hết SV đã nhận thức ở hai mức phần lớn là đúng và đầy đủ và hoàn toàn đúng đắn, đầy đủ: 600 SV (91,3%). Đây là những SV đã hiểu được thế nào là phương thức đào tạo theo tín chỉ, hiểu được những đặc trưng cơ bản của phương thức đào tạo này; hiểu được tầm quan trọng và yêu cầu của các hành động học tập trong quá trình đào tạo theo tín chỉ; hiểu được tác dụng của phương thức đào tạo theo tín chỉ đối với người học và nhiệm vụ của SV trong quá trình học tập.

3.2. Thích ứng của sinh viên với hoạt động học tập theo học chế tín chỉ được biểu hiện trên mặt thái độ

Thái độ là một trong 03 mặt cơ bản trong đời sống tâm lý con người: "nhận thức, thái độ và hành động". Có thể nói để tiến hành hành động học tập đạt hiệu quả, SV phải có thái độ chủ động, tích cực, say mê và hài lòng. Chính thái độ của SV sẽ ảnh hưởng đến kết quả hành động. Vì thế chúng tôi đã nghiên cứu các biểu hiện

Bảng 3. Mức độ chủ động của SV thực hiện các hoạt động học tập theo tín chỉ

TT	Các hành động	SL (n)	$\bar{x}$	δ	Thứ bậc
1	Xây dựng kế hoạch học tập	533	4.45	0.81	1
2	Học lý thuyết trên lớp	535	3.77	0.88	2
3	Hành động thảo luận	535	3.69	0.93	4
4	Hành động Xêmina	529	3.34	1.03	7
5	Hành động tự học, tự nghiên cứu	533	3.75	1.04	3
6	Hành động thực hành	535	3.57	1.04	6
7	Hành động kiêm tra, đánh giá	535	3.58	1.06	5
	Trung bình		**3.74**		

(Thang điểm: 5- Chủ động… 1- Thụ động)

thái độ của SV khi thực hiện các hành động học tập theo tín chỉ. Kết quả thể hiện như sau:

3.2.1. Mức độ chủ động của SV thực hiện các hoạt động học tập T theo tín chỉ

Kết quả thể hiện ở bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Tính chủ động của SV thực hiện các hành động học tập theo tín chỉ thể hiện ở mức phần lớn là chủ động (= 3,74), Tuy nhiên, SV thường thể hiện những nội dung công việc đơn giản, dễ dàng; những nội dung công việc thể hiện tính tích cực, sáng tạo thì tính chủ động thể hiện chưa cao.

3.2.2. Cảm xúc của sinh viên thực hiện hành động học tập theo tín chỉ

Khi thực hiện bất cứ hành động nào, để đạt được kết quả cao, chủ thể phải có cảm xúc dương tính thì mới có kết quả cao và thực sự có ý nghĩa đối với cá nhân và xã hội. Khi thực hiện các hành động học tập theo tín chỉ, SV phải có cảm xúc dương tính mới có thể nhanh chóng thích ứng với hoạt động học tập theo tín chỉ. Chính vì vậy, chúng tôi đã nghiên cứu mức độ cảm xúc của SV khi thực hiện các hành động học tập theo tín chỉ và kết quả thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Cảm xúc của SV thực hiện các hoạt động học tập theo tín chỉ

TT	Hành động học tập	SL (n)	$\bar{x}$	δ	Thứ bậc
1	Đăng ký môn học tự chọn	533	3.19	1.29	7
2	Học lý thuyết trên lớp	532	3.25	0.94	6
3	Hành động thảo luận	535	3.53	0.96	3
4	Hành động Xêmina	529	3.28	0.99	5
5	Hành động tự học. tự nghiên cứu	534	3.61	0.98	2
6	Hành động thực hành	534	3.80	1.01	1
7	Hành động kiểm tra. đánh giá	532	3.33	1.03	4
	Trung bình		**3.43**		

(Thang điểm: 5 - cảm xúc dương tính … 1- cảm xúc âm tính)

Qua bản 4 cho thấy: Khi thực hiện các hành động học tập theo tín chỉ, SV có cảm xúc phần lớn là dương tính, tuy nhiên điểm trung bình chỉ ở cận dưới (x_{tb}= 3,43). Sự thích thú, say mê của SV khi tham gia các hành động khác nhau là khác nhau, cụ thể:

SV thích tham gia hành động tự học, tự nghiên cứu ở vị trí thứ hai (x_{tb}= 3,61). Theo ý kiến của SV thì trong các hành động kể trên, SV thích tham gia hành động tự học, tự nghiên cứu vì khi tham gia hành động này, SV chủ động về thời gian, về phương pháp.

2.3. Mức độ hài lòng của sinh viên khi tham gia học tập theo học chế tín chỉ

Được trình bày cụ thể tại bảng 5.

Nhận xét: Qua bảng 5 cho thấy: SV ĐH7 hài lòng với hoạt động học tập theo HCTC ở mức trung bình (x_{tb}= 3,33). Sinh viên hài lòng nhất

Bảng 5. Mức độ hài lòng của SV khi tham gia học tập theo HCTC

TT	Các hành động	SL (n)	$\overline{x}$	δ	Thứ bậc
1	Đăng ký môn học tự chọn	534	3.03	1251.00	7
2	Học lý thuyết trên lớp	534	3.28	0.94	4
3	Hành động thảo luận	534	3.44	0.97	3
4	Hành động Xêmina	532	3.21	1.02	6
5	Hành động tự học. tự nghiên cứu	534	3.49	1.00	2
6	Hành động thực hành	534	3.58	1.03	1
7	Hành động kiểm tra. đánh giá	534	3.28	1.00	4
	Trung bình		**3.33**		

(Thang điểm: 5 -Rất hài lòng… 1- Không hài lòng)

khi tham gia hành động học môn thực hành, thực tế (x_{tb}= 3,58). Theo ý kiến của SV, khi tham gia học thực hành, thực tế, SV hài lòng nhất với nội dung, cách thức và GV hướng dẫn dạy thực hành, thực tế. SV chưa hài lòng với cơ sở vật chất vì cơ sở vật quá ít mà số lượng SV học cùng một thời gian là quá nhiều (ví dụ môn bóng chuyền, điền kinh, thể dục).

3. Thích ứng với hoạt động học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên Đại học 7 được biểu hiện trên mặt hành động

3.1. Kết quả hành động xây dựng kế hoạch học tập của sinh viên Đại học 7

Trong quá trình học tập theo HCTC, SV phải xây dựng kế hoạch học tập. Kết quả thu được ở bảng 6.

Bảng 6. Kết quả hành động xây dựng kế hoạch học tập của SV

TT	Nội dung	SL (n)	$\overline{x}$	δ	Thứ bậc
1	Lựa chọn phương pháp học	532	4.01	0.80	1
2	Lựa chọn GV giảng dạy	532	3.85	0.93	2
3	Lựa chọn môn học tự chọn	532	3.78	0.94	3
4	Tính khả thi của kế hoạch học tập	532	3.60	0.92	6
5	Cân đối thời gian học tập giữa các buổi trong 1 tuần	532	3.55	0.96	7
6	Đăng ký trên nhà trường	531	3.66	1.13	4
7	Điều chỉnh kế hoạch học tập theo tình hình thực tế	530	3.61	0.91	5
	Trung bình		**3.72**		

(Thang điểm: 5 - Tốt… 1 - Kém)

Nhìn vào bảng số liệu 6 chúng ta thấy: Kết quả xây dựng kế hoạch học tập của SV thể hiện ở mức khá (x_{tb}= 3,72). Tuy nhiên kết quả xây dựng kế hoạch học tập ở những nội dung khác nhau là khác nhau: trong đó SV thực hiện tốt nhất ở các nội dung sau: Lựa chọn số tín chỉ cần tích lũy trong một học kỳ; lựa chọn GV giảng dạy và lựa chọn môn tự chọn (= 4,01; 3,85).

3.2. Kết quả thực hiện các giờ học tập theo hình thức HCTCcủa sinh viên Đại học 7

- Kết quả hành động thực hiện giờ học lý thuyết của sinh viên Đại học 7
- Kết quả hành động thực hiện giờ thảo luận nhóm của sinh viên Đại học 7
- Kết quả hành động thực hiện giờ Xêmina của SV
- Kết quả hành động thực hiện giờ học thực hành của SV ĐH7
- Kết quả hành động thực hiện giờ tự học, tự nghiên cứu của SV ĐH7
- Kết quả hành động thực hiện giờ kiểm tra, đánh giá theo tín chỉ của SV

Bảng tổng hợp kết quả học tập của SV ĐH7 và ĐH6 (năm thứ nhất)

Bảng 7. Kết quả học tập học của khoá ĐH7 và ĐH6 (năm thứ nhất)

Khóa đại học 7:														
TT	Khoá	Số Sv	Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB Khá		Trung bình		Yếu, kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	ĐH7 (GDTC)	899	0	0	35	3.89	193	21.5	429	47.7	167	18.6	75	8.35
2	ĐH7 (QLTT)	99	0	0	3	3.03	11	11.1	37	37.4	35	35.4	13	13.1
3	Tổng	998	0	0	38	3.81	204	20.4	466	46.7	202	20.2	88	8.82
Khóa đại học 6:														
TT	Khoá	Số Sv	Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB Khá		Trung bình		Yếu, kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	ĐH6 (GDTC)	619	0	0	25	4.04	98	15.8	256	41.4	161	26,00	79	12.76
2	ĐH6 (QLTT)	64	0	0	2	3.13	4	6.25	27	42.2	20	31.25	11	17.19
3	Tổng	683	0	0	27	3.95	102	14.9	283	41.4	181	26.5	90	13.17

Nhìn vào bảng số liệu 7 chúng ta thấy: Kết quả học tập của sinh viên ĐH7 học theo học chế tín chỉ và kết quả học tập sinh viên ĐH6 (năm nhất), như sau:

- Xuất sắc: không
- Giỏi: ĐH7(3.81%); ĐH6 (3.95%)
- Khá: ĐH7(20.44%); ĐH6 (14.93%)
- TB khá: ĐH7(46.69%); ĐH6 (41.43%)
- Trung bình: ĐH7 (20.24%); ĐH6 (26.50%)
- Yếu, kém: ĐH7(8.82%); ĐH6 (13.17%).

3.3. Đánh giá chung thích ứng với hoạt động học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên Đại học 7

Căn cứ trên sự tổng hợp các mặt biểu hiện thích ứng với hoạt động học tập theo tín chỉ của SV ĐH7: Nhận thức, thái độ và hành động học tập theo tín chỉ kết hợp với phân tích định lượng và định tính, đồng thời qua ý kiến của các chuyên gia, chúng tôi đã đánh giá cuối cùng về biểu hiện và mức độ thích ứng của SV với hoạt động học tập theo tín chỉ, kết quả thể hiện ở bảng 8.

Nhìn vào bảng 8 chúng ta thấy: Đánh giá chung thì SV ĐH7 thích ứng ở mức khá với hoạt động học tập theo HCTC.

3. Đề xuất một số biện pháp giáo dục nhằm nâng cao khả năng thích ứng với hoạt động học tập theo học chế tín chỉ cho sinh viên Đại học 7

Từ kết quả nghiên cứu trên chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

- Nâng cao nhận thức của sinh viên về quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo sự thích ứng về mặt pháp chế cho sinh viên.
- Hướng dẫn SV thực hiện các hành động học tập theo tín chỉ.
- Phát triển năng lực tự học cho sinh viên.

KẾT LUẬN

1. Thích ứng với hoạt động học tập theo HCTC của SV ĐH TDTT ĐN đánh giá chung nhất thì SV thích ứng ở mức khá với hoạt động học tập theo HCTC. Sự thích ứng của SV trên các mặt nhận thức, thái độ và hành động được thể hiện như sau:

Bảng 8. Đánh giá chung thích ứng với hoạt động học tập theo HCTC của SV ĐH7

Mặt biểu hiện thích ứng	Điểm trung bình	Mức độ thích ứng	Mức độ thích ứng chung
Nhận thức	3.90	Mức 2: Phần lớn là đúng đắn và đầy đủ	Mức 2: Khá
Thái độ	3.50	Mức 2: Phần lớn là tích cực, hài lòng, có cảm xúc dương tính và chủ động	
Hành động	3.90	Mức 2: Khá	







Tổ chức giảng dạy và học tập theo HCTC giúp học sinh chủ động hơn trong việc sắp xếp chương trình học, lựa chọn môn học (Ảnh minh họa)

Về nhận thức: Nhìn chung, SV đã nhận thức được bản chất, những đặc trưng cơ bản, mức độ quan trọng của các hành động và yêu cầu của các hành động học tập theo tín chỉ, nhiệm vụ của SV khi tham gia học tập theo tín chỉ.

Về thái độ: SV thể hiện thái độ khi tham gia hoạt động học tập theo HCTC ở mức trung bình. Điều đáng chú ý là có hai hành động rất đặc trưng khi tham gia học tập theo HCTC là xây dựng kế hoạch học tập và xêmina thì SV thể hiện thái độ ở mức thấp nhất. Điều này thể hiện sự hạn chế trong thái độ của SV khi tham gia học tập theo phương thức đào tạo theo tín chỉ.

Về hành động: Phần lớn SV thực hiện các hành động học tập theo HCTC ở mức khá. Trong số các hành động học tập, sinh viên thực hiện tốt nhất hành động: Kiểm tra, đánh giá; học lý thuyết trên lớp; tự học, tự nghiên cứu. SV thực hiện chưa tốt các hành động: xây dựng kế hoạch học tập và xêmina.

2. Đề xuất được 03 biện pháp giáo dục nhằm nâng cao khả năng thích ứng với hoạt động học tập theo học chế tín chỉ cho sinh viên Đại học 7.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Vụ Đại học (1994), Về hệ thống tín chỉ học tập, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020,* Hà Nội.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quyết định số 43/2007/ QĐ - BGD&ĐT ngày 15/8/2007: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ,* Hà Nội.

6. Nguyễn Thị Út Sáu (2013), "Thích ứng với hoạt động học tập theo học chế tín chỉ từ góc độ hành động của sinh viên Đại học Thái Nguyên", *Tạp chí Tâm lý học*, Số 6 (171).

4. Dương Thị Thoan (2002), "Phát triển khả năng thích ứng với hình thức hoạt động tiếp xúc học sinh lớp chủ nhiệm trong thực tập sư phạm", *Tạp chí tâm lý học,* Viện Tâm lý học, số 1 tháng 1.

5. Dương Thị Thoan (2012), "Kỹ năng giảng dạy theo tín chỉ của giáo sinh thực tập sư phạm", *Luận án tiến sỹ Tâm lý học,* Hà Nội.

(Bài nộp ngày 27/10/2016, phản biện ngày 16/11/2016, duyệt in ngày 5/12/2016)